

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+BK6+BK4	7:25	21+0+1	0+0+0		16+1+1	0+0+0	chuyen 4 pax bk6-bk4
2		P1+TD2	7:25	7+15	0+0		3+18	0+0	
3		P2+BK10+P8	7:25	0+1+20	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 p2- bk10
4		P6+BK19+BK21	9:25	12+7+3	0+0+0		11+4+3	0+0+0	chuyen 1 p6- bk19
5		TTc1+TTc3+BK9	9:25	8+7+0	0+0+0		6+13+0	0+0+0	chuyen 4 ttcl- bk9
6		TTc2+P8+P10	9:25	11+11+0	0+0+0		4+12+6	0+0+0	
7		BK15+BK19+RP2	11:25	15+0+6	0+0+0		12+3+6	0+0+0	
8		P6+BK5+BK8	11:25	19+0+2	0+0+0		14+0+0	0+0+0	chuyen 4 bk5- bk8

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày rp2-3ng, P8-1ng, bk19-3 ng, 2/ Bk6-1người về đi bk8

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2024	TO: RP2 - BK6 - BK4	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CUONG - TU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	SHEREMETIEV A.V	RP2				4	50	82	D-HANH	Russian
2	ĐẶNG VĂN ĐÀO	RP2						64	D-HANH	Vietnamese
3	ARUSHANOV SERGEI	RP2	36	1	7			112	KHOAN	Russian
4	FIRSOV EVGENII	RP2	35	1	7			105	KHOAN	Russian
5	NGUYỄN TRỌNG THUY	RP2	33	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN XUÂN	RP2	38	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐAM	RP2	32	1	4			87	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TỰ ĐỘ	RP2	30	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THANH	RP2	46-47	2	9			72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU HOANG ANH	RP2	34	1	7			110	KH-THAC	Vietnamese
11	YATSENKO S.V	RP2	48	1	2			100	ANTOAN	Russian
12	NGUYỄN MẠNH TINH	RP2	31	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ HỒNG GIANG	RP2	28	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN LÊN	RP2	43	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN HỒNG NGỰ	RP2	29	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HÙNG	RP2	41-42	2	9			60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT MINH	RP2	40	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN HUY	RP2	39	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN SƠN	RP2	37	1	4			57	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ NGỌC HOÀN	RP2	27	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
21	LE VIET HUY	RP2	44-45	2	15			55	XAYLAP	Vietnamese
22	NGÔ HOANG NAM	BK4	64	1	18	2	25	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	RP2		21	1.566	22	124	4	50	16		
2	BK6		0	0	0	0	1	15	1 + 4		CHUYEN 4 PAX BK6-BK4
3	BK4		1	75	1	18	2	25	1		
TOTAL			22	1.641	23	142	7	90	18		
WEIGHT KG				1.641		142		90			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

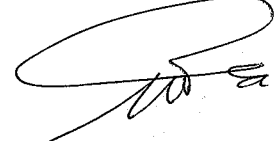
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2024	TO: P1 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHANG - HTRUNG -	ETA: 09:25
cam-1		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HUY HOANG	P1	05	1	10			62	TRUONG V	Vietnamese
2	VU VAN SON	P1	500	1	9	4	59	60	TRUONG V	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN TUNG	P1	01	1	13	3	50	75	TRUONG V	Vietnamese
4	VO VAN GIANG	P1	06	1	16			65	TRUONG V	Vietnamese
5	TRAN MINH TRUNG	P1	02	1	14			66	TRUONG V	Vietnamese
6	DOAN VAN QUAN	P1	04	1	17			68	TRUONG V	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN THONG	P1	03	1	12			60	TRUONG V	Vietnamese
8	LE QUANG CUONG	TD2	67	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN THANH ANH	TD2	74	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VAN BAC	TD2	65	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN MANH CUONG	TD2	73	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
12	DO VAN HUNG	TD2	75	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
13	NGO QUANG HUNG	TD2	71	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM THANH GIANG	TD2	66	1	3			73	KHOAN	Vietnamese
15	TRUONG DUC MANH	TD2	76	1	8			80	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM DINH BAO	TD2	70	1	9			63	KHOAN	Vietnamese
17	TRINH DUY THANH	TD2	72	1	9	1	9	77	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN CONG HIEN	TD2	62	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THUC	TD2	69	1	15			82	KHOAN	Vietnamese
20	LE VAN TAI	TD2	63	1	3			78	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN THANH HUY	TD2	68	1	5			66	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN MINH THAI	TD2	64	1	6			98	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	P1		7	456	7	91	7	109	3		
2	TD2		15	1.150	15	89	1	9	19		
TOTAL			22	1.606	22	180	8	118	22		
WEIGHT KG				1.606		180		118			

GRAND TOAL: 1.904 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2024		TO: P2 - BK10 - P8			AIRCRAFT: 410			ETD: 07:40		
FLIGHT:		FROM: VT			CREW: DUONG - MTHAO - QTRUONG			ETA: 09:30		
VANG-1										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE TRI NANG	BK10	28	1	10	5	73	74	KH-THAC	Vietnamese
2	ZHDANOV VLADIMIR	P8	82	1	18			128	KHOAN	Russian
3	DINH QUANG TRUNG	P8	97	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH CHANH PHAT	P8	90	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM THE CHINH	P8	94-96	3	16			58	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN ANH TRI	P8	86	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
7	LE QUANG HIEN	P8				3	60	75	KH-THAC	Vietnamese
8	NIKITIN NIKOLAI	P8						81	ANTOAN	Russian
9	NGUYEN XUAN NHAN	P8	92-93	2	15			75	YTE	Vietnamese
10	NGUYEN THANH NGOC	P8	91	1	12			100	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO VAN DON	P8	87	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN CHAU NAM	P8	01	1	5	1	20	86	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN BA DAT	P8	99,700	2	14			71	KH-THAC	Vietnamese
14	DANG THANH TRUNG	P8	85	1	13			80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU DUNG (HILO)	P8	98	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VIET HOA	P8	89	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN QUANG	P8	88	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
18	VU DUY TRUONG	P8	05	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN VU	P8	84	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG THUC	P8	03-04	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
21	LE XUAN TRUNG	P8	83	1	3			85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

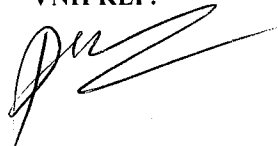
No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	P2		0	0	0	0	0	0	1	CHUYEN 1 KHACH TU P2-BK10	
2	BK10		1	74	1	10	5	73	0		
3	P8		20	1.505	23	158	4	80	22		
TOTAL			21	1.579	24	168	9	153	22		
WEIGHT KG				1.579		168		153			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2024	TO: P6 - BK19 - BK21	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CUONG - TU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LUU THE ANH	P6	96	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
2	VAN MINH TAN	P6	99	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU TOAN	P6	30	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
4	VU DINH SY	P6	97	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG TUAN	P6	29	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC KHANH	P6	92-94	3	18			83	YTE	Vietnamese
7	DU TRAN HUNG	P6	89	1	13	1	15	80	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN DOA	P6	95	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG BACH	P6	27-28	2	17			64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG LONG HAI	P6	800,01	2	9			84	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN BANG	P6	90-91	2	20			77	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI MANH KHANH CUONG	P6	98	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐAO TRUNG KIEN	BK19	36	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
14	LE TUAN ANH	BK19				2	40	72	KH-THAC	Vietnamese
15	MIRSAIAPOV R.	BK19	33	1	3			104	KH-THAC	Russian
16	TRAN DINH DUC	BK19	38	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
17	LE TRUNG TUAN	BK19	37	1	20			73	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO TRUONG DIEN	BK19	34	1	16			72	KH-THAC	Vietnamese
19	VU DUC DUNG	BK19	35	1	10			89	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VAN TOAN (HLO)	BK21	08	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DINH QUANG	BK21	09	1	10	1	15	63	KH-THAC	Vietnamese
22	HO TRONG BANG	BK21	10	1	9			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	P6		12	874	17	125	1	15	11+1		CHUYEN 1 PAX P6-BK19
2	BK19		7	542	6	61	2	40	4		
3	BK21		3	203	3	25	1	15	3		
TOTAL			22	1.619	26	211	4	70	18		
WEIGHT KG				1.619		211		70			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2024		TO: TTC1 - TTC3 - BK9				AIRCRAFT: 406			ETD: 09:55		
FLIGHT: 5		FROM: VT				CREW: LINH - ĐNAM - HUY			ETA: 11:45		
CAM-2											
No.	PAX.NAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	PHÙNG HÀ TÀI		TTC1	39	1	7	3	50	110	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG THUY		TTC1	44	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY HÙNG		TTC1	40	1	11			63	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ HÙNG TUẤN		TTC1	43	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG ĐỨC THUẬN		TTC1	42	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN TRƯỞNG		TTC1	45	1	8			76	CODIEN	Vietnamese
7	LÊ VĂN NINH		TTC1	46-47	2	20			76	CODIEN	Vietnamese
8	HOANG TRUNG ĐỨC		TTC1	41	1	7			80	PSV	Vietnamese
9	TRƯƠNG THÈ VINH		TTC3	82-83	2	12	2	40	69	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ XUÂN TÂM		TTC3	78	1	15			66	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TRUNG HẬU		TTC3	79	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
12	BẠCH ANH TUẤN HLO)		TTC3	81	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
13	TẠ MẠNH HÙNG		TTC3	80	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TUẤN ANH		TTC3	84-85	2	13			71	CODIEN	Vietnamese
15	PHAN XUÂN HÒA		TTC3						70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	TTC1		8	622	9	80	3	50	6+4		CHUYEN 04 PAX TTC1 SANG BK9
2	TTC3		7	482	8	57	2	40	13		
3	BK9		0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL			15	1.104	17	137	5	90	19		
WEIGHT KG				1.104		137		90			

GRAND TOAL: 1.331 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2024	TO: TTC2 - P8 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:58
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - MTHAO -	ETA: 11:50
VANG-2		QTRƯỜNG	

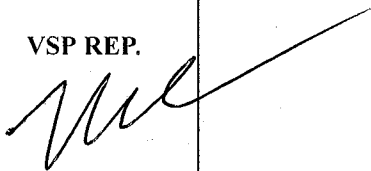
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOÀNG QUỐC BAO HLO	TTC2	04	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRUONG AN	TTC2	01-02	2	19			83	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	99	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN THUC	TTC2	84	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
5	VU QUOC VUONG	TTC2	08-09	2	13	2	41	71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC HUNG	TTC2	74	1	11	3	50	65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGO DINH NHAT MINH	TTC2	06-07	2	17			82	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HOAN	TTC2	72-73	2	13			72	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HUYNH	TTC2	03	1	3			75	PSV	Vietnamese
10	QUACH THANH DO	TTC2	77-78	2	11			65	DK9	Vietnamese
11	PHAM THAI SON	TTC2	05	1	12			99	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN THANH VINH	P8	20	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG TIEN	P8	16	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN TAN	P8	14	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
15	HÔ CHÊ LINH	P8	22	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VU NHAT QUANG	P8	23-25	3	22			72	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐANG DINH NGOC	P8	21	1	10			60	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC TỬ	P8						83	PSV	Vietnamese
19	HA VAN THIEN	P8	17	1	4			73	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TUNG	P8	19	1	9			78	PSV	Vietnamese
21	LE THANH CHAU	P8	18	1	9			70	PSV	Vietnamese
22	LE QUANG VINH	P8	15	1	3			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

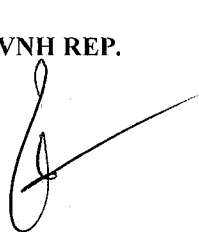
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC2	11	812	16	117	5	91	4		
2	P8	11	776	12	74	0	0	12		
3	P10	0	0	0	0	2	30	6		
TOTAL		22	1.588	28	191	7	121	22		
WEIGHT KG			1.588		191		121			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

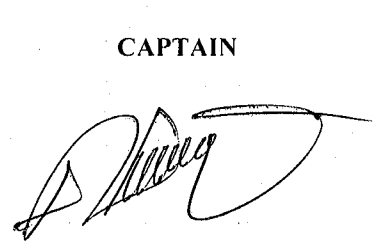
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2024	TO: BK15 - BK19 - RP2	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - TOAN	ETA: 14:00
XANH-3			

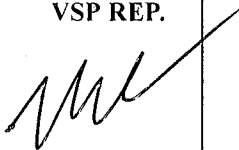
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN QUOC HAI (HLO)	BK15	08-09	2	5	1	15	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DUONG HOE	BK15	10	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DINH THANG	BK15	03	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DUC TUNG	BK15	54	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HOANG KHA	BK15	04	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DINH QUANG	BK15	01,57	2	19			76	KH-THAC	Vietnamese
7	DO VAN TUOI	BK15	06-07	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
8	THOI QUOC TUAN	BK15	51	1	11			60	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN DUC VUONG	BK15	49	1	20			65	XAYLAP	Vietnamese
10	MAI VAN BINH	BK15	52-53	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN HONG THANH	BK15	05	1	16			75	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI VAN VUONG	BK15	55-56	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN MANH QUAN	BK15	02	1	7			74	PSV	Vietnamese
14	PHAM NGOC NINH	BK15	50	1	5			77	PSV	Vietnamese
15	BUI SONG TOAN	BK15	48	1	8			78	DK9	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRI	RP2	58-59	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
17	HUYNH DUC TAM	RP2	56	1	9			64	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM BA HOANG	RP2	54-55	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
19	ZAKLADNYI R.	RP2	60	1	11			101	D-HANH	Russian
20	NGUYEN TIEN THUC	RP2	53	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
21	LE CHI BAO	RP2	57	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN TUYET	RP2	61	1	14	2	62	71	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

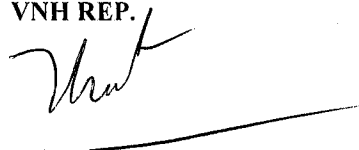
No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	BK15		15	1.045	20	169	1	15	12		
2	BK19		0	0	0	0	0	0	3		
3	RP2		7	527	9	82	2	62	6		
TOTAL			22	1.572	29	251	3	77	21		
WEIGHT KG				1.572		251		77			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2024	TO: P6 - BK5 - BK8	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LINH - ĐNAM - HUỠ	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOÀNG NAM HAI	P6	22	1	7			90	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT DUNG	P6	14-15	2	11			62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THỊN (HLO)	P6	21	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO MINH HOÀNG	P6	06	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN LAM GIANG	P6	26	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC AN	P6	23	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH HAO	P6	20	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	24	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HUỠ THÔNG	P6	25	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐÌNH HUÂN	P6	27	1	6			50	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ ĐỨC HÙNG	P6	19	1	10			65	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN SINH	P6	17	1	10	1	16	77	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P6	07	1	7			68	PSV	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HIỆP	P6	28	1	9			74	PSV	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN TRỌNG	P6	16	1	6			98	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN CÁN	P6	11	1	4	5	90	63	PSV	Vietnamese
17	LÊ MINH KHUÔNG	P6	08	1	6			86	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TỰ	P6	12	1	7			65	DUY LINH	Vietnamese
19	HUỠNH ĐỨC VŨ	P6	13	1	7			75	DUY LINH	Vietnamese
20	PHẠM DUY CHUNG	BK8	68	1	11			67	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

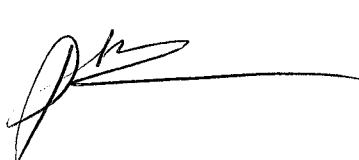
No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	P6		19	1.413	20	139	6	106	14		
2	BK5		0	0	0	0	0	0	0 + 4		CHUYEN 4 PAX BK5-BK8
3	BK8		1	67	1	11	0	0	0		
TOTAL			20	1.480	21	150	6	106	14		
WEIGHT KG				1.480		150		106			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

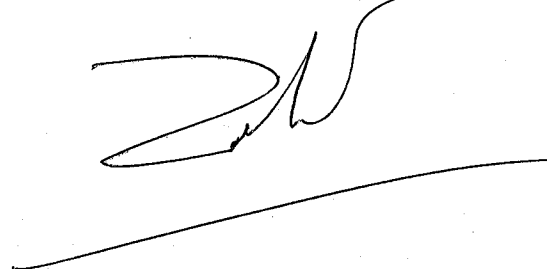
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+PD3	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
2		BK14+TD3	7:25	3+18	0+0		0+22	0+0	
3		TD5	7:25	22	0		22	0	
4		TJUNG	7:25	14	0		19	0	
5		PPD+RP3	9:25	10+12	0+0		4+18	0+0	chuyen 1 ppd-rp3
6		AMD+TGTH4+P9	9:25	16+5+1	0+0+0		12+6+4	0+0+0	
7		BK16+CTK3+VSP01	9:25	0+1+20	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 bk16- ctk3
8		BK8+PPD+TD5	11:25	2+20+0	0+0+0		2+16+2	0+0+0	
9		RP3+RP2+RC3	11:25	16+2+4	0+0+0		14+0+3	0+0+0	chuyen 2-rp2- rc3
10		VSP01+P4+AMD	11:25	10+8+3	0+0+0		11+5+6	0+0+0	

TTBDSX

Cho *13h00* *Cấp cuối sự cố của Cho*

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 người Td1 về đi RP2, 1 người P4 về đi Rp2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2024	TO: P3 - P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: KHOAN - N.ANH - NNAM	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE NGUYEN HUY TOAN	P3	48	1	12	1	14	72	XAY LAP	Vietnamese
2	PHAM HONG VU	P3	50-51	2	18			45	XAY LAP	Vietnamese
3	NGUYEN THANH QUAN	P4	12-15	4	20	3	55	79	KH-THAC	Vietnamese
4	TRUONG THANH GIAP	P4	31	1	5			71	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG HA	P4	30	1	3			66	KHI	Vietnamese
6	DO DUC LONG	P4	32	1	3			60	KHI	Vietnamese
7	TRAN SON TIEN	P4	37	1	5			66	KHI	Vietnamese
8	TRINH XUAN HUYEN	P4	27	1	5			75	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN THANH	P4	24	1	5			61	KHI	Vietnamese
10	LE HUY CHUONG	P4	28	1	8			55	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THINH	P4	39	1	7			75	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN ANH	P4	26	1	4			68	KHI	Vietnamese
13	HOANG THAI DUONG	P4	41	1	4			70	KHI	Vietnamese
14	PHAM HUU THO	P4	40	1	8			65	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN THANH GIAP	P4	35	1	3			68	KHI	Vietnamese
16	LUONG THANH VU	P4	25	1	6			81	KHI	Vietnamese
17	DANG HUY KHANH	P4	38	1	4			78	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN HUU LUAN	P4	16	1	5			75	KHI	Vietnamese
19	DANG TRONG DAT	P4	36	1	9	4	30	65	NAM TIEN	Vietnamese
20	NGUYEN PHUC TAI	P4	34	1	9			62	NAM TIEN	Vietnamese
21	NGO DUC TRUONG	P4	33	1	7			55	NAM TIEN	Vietnamese
22	LE QUANG HA	P4	29	1	9			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	P3		2	117	3	30	1	14	1		
2	P4		20	1.373	23	129	7	85	21		
TOTAL			22	1.490	26	159	8	99	22		
WEIGHT KG				1.490		159		99			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2024	TO: BK14 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: DU'ONG - NPHU - MQUAN	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE ANH TUAN	BK14	43	1	3	1	13	88	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH LUAN	BK14	39	1	4	2	18	62	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI MINH HAI	BK14	42	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HAI	TD3	56	1	7	5	85	78	KHOAN	Vietnamese
5	OLEINIK IVAN	TD3	44	1	7			73	KHOAN	Russian
6	TRAN HUU THO	TD3	39	1	3			80	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM HUNG DUONG	TD3	40	1	3			99	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN MANH HUNG	TD3	41	1	3			71	KHOAN	Vietnamese
9	HUYNH AI HUU	TD3	55	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
10	DAO TIEN THIET	TD3	37	1	6			54	KHOAN	Vietnamese
11	VU TIEN DUNG	TD3						70	KHOAN	Vietnamese
12	LE MANH THANG	TD3						72	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM DUONG HAI	TD3	42	1	5	1	12	67	KHOAN	Vietnamese
14	LE VAN NGHIA	TD3	38	1	11			67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TIEN	TD3	43	1	8			88	KHOAN	Vietnamese
16	ĐINH VIET DUNG	TD3	54	1	7			60	DVL	Vietnamese
17	LUONG XUAN ĐUOC	TD3	45	1	13			72	PSV	Vietnamese
18	ĐO XUAN CHINH	TD3	47	1	6			68	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TRUNG TAM	TD3	46	1	6			68	PSV	Vietnamese
20	PHAN CHINH QUY	TD3	48	1	5			70	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN ANH TIEN	TD3	49-50	2	16			65	XAY LAP	Vietnamese
22	NGUYEN TUAN ANH	TD3	51	1	30	2	20	74	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	3	217	3	10	3	31	0		
2	TD3	19	1.374	18	142	8	117	22		
TOTAL		22	1.591	21	152	11	148	22		
WEIGHT KG			1.591		152		148			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2024	TO: TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - HIẾU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ MẠNH THĂNG	TD5	32-33	2	5			78	KHOAN	Vietnamese
2	ĐÌNH VĂN SỰ	TD5						80	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN CHUNG	TD5	44-45	2	10			68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THAI	TD5	43	1	7			82	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HÒA	TD5	31	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ THANH TUÂN	TD5	46-47	2	11			90	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD5	35-36	2	7	3	60	74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	27	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN HIỀN	TD5	28	1	8			79	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NINH	TD5	42	1	10			62	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN DUY	TD5	40-41	2	10			65	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ HỒNG SƠN ĐẠT	TD5	19-20	2	10			57	TRUNG TIN	Vietnamese
13	VŨ NGỌC HOANG	TD5	21	1	7			51	TRUNG TIN	Vietnamese
14	NGUYỄN HUNG QUÂN	TD5	24	1	10			67	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYỄN VINH KHA	TD5	39	1	10			75	DVL	Vietnamese
16	LƯƠNG NGỌC HOANG	TD5	38	1	7	1	5	75	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	TD5	22-23	2	14			63	PSV	Vietnamese
18	TRẦN ĐẮC THĂNG	TD5	34	1	4			75	PSV	Vietnamese
19	LƯƠNG ANH HAI	TD5	37	1	8			55	PSV	Vietnamese
20	TRUÔNG VĂN HUÂN	TD5	25	1	14			60	TRUÔNG V	Vietnamese
21	LÊ DUY TRUÔNG	TD5	26	1	15			74	TRUÔNG V	Vietnamese
22	VŨ TÂN TÀI	TD5	29-30	2	20			76	TRUÔNG V	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	22	1.566	29	197	4	65	22		
TOTAL		22	1.566	29	197	4	65	22		
WEIGHT KG			1.566		197		65			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/09/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:29
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - LTUẤN	ETA: 10:40
TRANG-1			

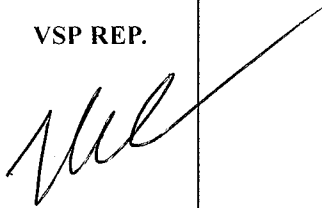
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN DUY TUẤN	T.UNG	72	1	5			80	PVEP ITC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG KIẾN	T.UNG						66	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	89	1	14			66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH TRÍ	T.UNG	88	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
5	VU TIẾN VINH	T.UNG	700	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	68	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
7	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	53	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	95	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	70	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	T.UNG	49	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG THAI SƠN	T.UNG	69	1	10			90	KH-THAC	Vietnamese
12	VU QUANG THÔNG	T.UNG				1	11	67	KH-THAC	Vietnamese
13	LAI MINH HOÀNG	T.UNG	51-52	2	14	1	48	80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	T.UNG	50	1	4			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

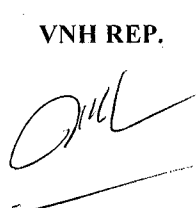
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	14	993	13	85	2	59	19		
TOTAL		14	993	13	85	2	59	19		
WEIGHT KG			993		85		59			

GRAND TOAL: 1.137 KGS

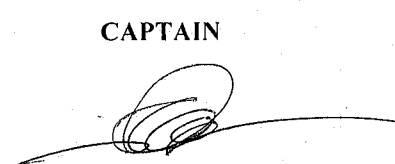
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/09/2024	TO: PPD - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - HIẾU	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	09	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI THANH HAI	PPD	08	1	6			63	KHI	Vietnamese
3	VÔ QUANG ĐẠT	PPD	07	1	6			59	KHI	Vietnamese
4	LE HỒNG PHONG	PPD	13	1	6			77	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VIẾT ĐẠI	PPD	06	1	9			70	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN QUANG	PPD	05	1	5	2	30	69	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN MINH KHOAN	PPD	11	1	7			84	KHI	Vietnamese
8	CAO NAM QUY	PPD	12	1	6			70	KHI	Vietnamese
9	ĐÀO VIỆT HUNG	PPD	14	1	12			63	KHI	Vietnamese
10	TRẦN NGUYEN PHƯƠNG	PPD	10	1	4			65	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TRỌNG TUAN	RP3						93	KHI	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	66	1	3			73	KHI	Vietnamese
13	BUI VĂN PHU	RP3	59	1	3			74	KHI	Vietnamese
14	HA VĂN THUY	RP3	65	1	7			72	KHI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN KÝ	RP3	61	1	4			63	KHI	Vietnamese
16	TRẦN THANH ĐỨC	RP3	58	1	8			99	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN CHINH THI	RP3	60	1	5	6	120	74	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG NAM	RP3						87	KHI	Vietnamese
19	LÊ HOANG ANH	RP3	67	1	4			69	KHI	Vietnamese
20	ĐUƠNG HỒNG QUÂN	RP3	63-64	2	15			73	KHI	Vietnamese
21	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	62	1	5			64	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3	57	1	4			72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	10	695	10	69	2	30	4	1	CHUYEN 1 PAX PPD-RP3
2	RP3	12	913	11	58	6	120	18		
TOTAL		22	1.608	21	127	8	150	22		
WEIGHT KG			1.608		127		150			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2024	TO: AMD - TGTH4 - P9	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: KHOAN - N.ANH - NNAM	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN AN	AMD	86	1	6	3	50	58	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC ĐỨC	AMD	92	1	6			90	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH TÂN	AMD	88	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC THU	AMD	89	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
5	LE ĐỨC TÂM	AMD	81	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	80	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN SƠN	AMD	82	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN LE HONG VU	AMD	83	1	6			60	TLJOC	Vietnamese
9	BUI TRẦN LIÊM	AMD	90	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HONG LINH	AMD	91	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
11	TANG XUAN HAI	AMD	87	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
12	VU NGOC DUONG	AMD	97-98	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG HO NGHIA	AMD	96	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
14	VU XUAN ĐỨC	AMD	93-94	2	11			71	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	95	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
16	VU VIET THANG	AMD	84-85	2	12			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO SY DUC	TGTH4	72-73	2	18	1	15	96	HLJOC	Vietnamese
18	LE VINH QUANG	TGTH4	68-69	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
19	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	70-71	2	15			65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG HIEU	TGTH4	66-67	2	14			69	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	TGTH4	61,65	2	10			66	KH-THAC	Vietnamese
22	LE MINH THUY	P9	74	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	16	1.110	19	107	3	50	12		
2	TGTH4	5	361	10	67	1	15	6		
3	P9	1	75	1	5	0	0	4		
TOTAL		22	1.546	30	179	4	65	22		
WEIGHT KG			1.546		179		65			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/09/2024	TO: BK16 - CTK3 - VSP01	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: DUONG - NPHU - MQUAN	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN DUC HUNG	CTK3	12	1	6			47	KH-THAC	Vietnamese
2	CHERNYSHEV V.A.	VSP01	03	1	7			115	KH-THAC	Russian
3	VÔ QUANG HUY	VSP01	21-22	2	20			77	KH-THAC	Vietnamese
4	TRUONG THANH PHU	VSP01						69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DUY PHUC	VSP01	15	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TUAN	VSP01	14	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO XUAN DUC (HLO)	VSP01	20	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TRONG CHUNG	VSP01	16	1	3			85	KH-THAC	Vietnamese
9	LE HAI NAM	VSP01	11	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG MINH	VSP01	07	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐANG BA DIÊU	VSP01	08-09	2	12			55	YTE	Vietnamese
12	HUYNH VAN THON	VSP01						74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01						75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	17-18	2	16			70	KH-THAC	Vietnamese
15	DOAN VIET ĐANG	VSP01	10	1	8	2	13	75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TE	VSP01	12	1	5			75	PSV	Vietnamese
17	TRAN ANH TUAN	VSP01	13	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THUY	VSP01	05	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN CONG QUAN	VSP01	06	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUY THONG	VSP01	04	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN TRUONG	VSP01	19	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

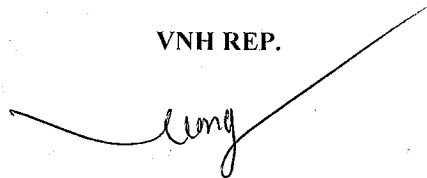
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK16	0	0	0	0	1	20	0	1	CHUYEN 1 PAX BK16-CTK3
2	CTK3	1	47	1	6	0	0	0		+1NB VE TU CTK3 (GHE PHU)
3	VSP01	20	1.494	20	131	2	13	22		
TOTAL		21	1.541	21	137	3	33	22		
WEIGHT KG			1.541		137		33			

GRAND TOAL: 1.711 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2024	TO: BK8 - PPD - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.CUÔNG -	ETA: 14:00
TRANG-3		THÀNH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8						78	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TÂN	BK8	93	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC LINH	PPD	02	1	5			62	KHI	Vietnamese
4	DOÀN MẠNH TOÀN	PPD						86	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	28	1	6			51	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	26	1	4			55	KHI	Vietnamese
7	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	24	1	3			61	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TÙNG	PPD	72	1	7			72	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN THỪA THAI	PPD	71	1	12			63	CODIEN	Vietnamese
10	DƯƠNG MINH QUÂN	PPD	30	1	15			75	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HIỀN	PPD	74	1	6			70	CODIEN	Vietnamese
12	BUI QUANG HẠNH	PPD	75	1	7			58	CODIEN	Vietnamese
13	LAM NHỰT MINH	PPD	67	1	17			68	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN QUÂN	PPD	20	1	10	1	15	70	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THIỀU	PPD	22-23	2	20			70	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ HUY VINH	PPD	25	1	5			70	KHI	Vietnamese
17	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	27	1	5			71	KHI	Vietnamese
18	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	68	1	3			70	KHI	Vietnamese
19	ĐỖ XUÂN LỢI	PPD	69	1	5	5	95	78	KHI	Vietnamese
20	MAI ĐỨC CUÔNG	PPD	70	1	5			72	KHI	Vietnamese
21	LƯU QUÝ TRUNG	PPD	29	1	5			71	PSV	Vietnamese
22	TÀ QUANG PHÚC	PPD	01	1	3			105	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK8	2	154	1	7	0	0	2		
2	PPD	20	1.398	20	143	6	110	16		
3	TD5	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	1.552	21	150	6	110	20		
WEIGHT KG			1.552		150		110			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2024	TO: RP3 - RP2 - RC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - TOAN	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KIEU THI QUYNH HOA	RP3	90-91	2	16	8	120	65	VIEN CNSH	Vietnamese
2	NGUYEN THI YEN	RP3	88	1	8	1	11	50	VIEN CNSH	Vietnamese
3	ĐINH VĂN TÀI	RP3	89	1	7			45	VIEN CNSH	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC CHAN	RP3	92	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	78	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG CHUONG	RP3	77	1	2			62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MINH TIEN	RP3	76	1	7			75	PVCHEM	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG MINH	RP3	85-87	3	15			71	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN Q. BAO BINH	RP3						60	KHI	Vietnamese
10	LE XUAN HIEN	RP3	82	1	4			77	KHI	Vietnamese
11	TRINH QUANG HUY	RP3						70	KHI	Vietnamese
12	TẠ PHI KHANH	RP3						75	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VĂN TUONG	RP3	79	1	2			76	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN BA TRIET	RP3	80-81	2	19			70	KHI	Vietnamese
15	LE VĂN ĐAI	RP3	83-84	2	20			75	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	74	1	5			75	PSV	Vietnamese
17	TRAN VAN CAN	RP3	75	1	5			66	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN KHAC THANH CHUNG	RP2	55	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO XUAN THANG	RC3	21	1	14			88	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN DUNG	RC3	19-20	2	15			54	CODIEN	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN THAO	RC3	17-18	2	12			60	BA SON	Vietnamese
22	TRINH TRỌNG LUAN	RC3	14-16	3	20			80	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	17	1.168	19	119	9	131	14		
2	RP2	1	75	1	9	0	0	0 + 2		CHUYEN 2 PAX RP2-RC3
3	RC3	4	282	8	61	0	0	3		
TOTAL		22	1.525	28	189	9	131	17		
WEIGHT KG			1.525		189		131			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/09/2024	TO: VSP01 - P4 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:20
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - HUY	ETA: 14:10
DO-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN BA NGOC	VSP01	42	1	4			55	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH THANG	VSP01	39	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN SY HIỆU	VSP01	40	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THE CUONG	VSP01	45	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN DUY BINH	VSP01	43	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO MINH HỌI	VSP01	44	1	4			70	PSV	Vietnamese
7	PHẠM HUY ĐAU	VSP01	38	1	3			68	PSV	Vietnamese
8	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP01	41	1	10			62	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN NGOC BE	VSP01						62	KH-THAC	Vietnamese
10	VO HUU DI	P4	11	1	10			90	NAM TIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN AN	P4	03-04	2	11			67	NAM TIEN	Vietnamese
12	DOAN KHANH DUY	P4						67	NAMTIEN	Vietnamese
13	HOANG MINH CANH	P4	07-08	2	13			62	NAMTIEN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN MAI	P4						72	NAMTIEN	Vietnamese
15	LE QUANG PHUC	P4	10	1	12			58	NAMTIEN	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC NHUT	P4	05-06	2	10			53	NAMTIEN	Vietnamese
17	VU VAN NAM	P4	09	1	10			63	NAMTIEN	Vietnamese
18	CAO QUANG HUNG	AMD	23	1	9	1	7	112	CODIEN	Vietnamese
19	ĐẶNG ĐÌNH KHAI	AMD	21	1	4			72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	22	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	9	614	8	40	0	0	11		
2	P4	8	532	9	66	0	0	5		
3	AMD	3	258	3	20	1	7	6		
TOTAL		20	1.404	20	126	1	7	22		
WEIGHT KG			1.404		126		7			

GRAND TOAL: 1.537 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/09/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 16:30
FLIGHT: BDX CAP CUU	TO: CLO	CREW: CHIẾN - N.ANH - THÀNH	ETA: 18:00

ROUTE: VT - CLO - VT

ROUTE: VT-CLO-VI									
No.	PAX.NAME		COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
							PCS	KGS	W.T
SECTOR 1: VT - CLO									
1	VUONG VAN LONG		BAC SY	Vietnamese			0	0	75
2	NGUYEN NGOC LUU		DIEU DUONG	Vietnamese			0	0	77
	PAX OUT	2		PAX IN	3	WT:	0	0	152
	TOTAL	2							

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1	CÁNG VSP	50	CLO	1	110
REMARK : THÁO GHE CHỖ CÁNG VSP					PAX.WEIGHT
					152
					BAG.WEIGHT
					0
					CARGO WEIGHT
					110
					TOTAL
					262

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 16:27

FUEL